

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/DS-ST

Ngày 10 tháng 9 năm 2021

V/V: "*Tranh chấp về  
hợp đồng hợp tác bán hàng*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu Hà

**Các hội thẩm nhân dân:** 1, Ông Nguyễn Văn Tư;

2, Bà Nguyễn Thị Vượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về "*Tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2021/QĐST - DS ngày 24/8/2021, giữa:

**+ Nguyên đơn:** Ông Cung Đức C, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 9, ngõ 282/33 K, tổ 25, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Hoàng Quang Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: xóm 3, thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương ( Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**+ Bị đơn:** Công ty cổ phần L

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C1- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần L

Địa chỉ trụ sở: N24, khu dân cư S , đường H, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là ông Cung Đức C cũng như đại diện theo ủy quyền của ông C là ông Hoàng Quang Q trình bày: Ngày 06/4/2014 ông C có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 061154/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần L có địa chỉ tại số 705, đường L, xã D, thành phố Bg, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Văn C1- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật. Sau khi ký hợp đồng ông C đã nộp tiền vào Công ty để mua tổng số 100 gói hàng, chủ yếu là cao hồng sâm, mỗi gói hàng có giá trị là 6.800.000 đồng với tổng số tiền là 680.000.000 đồng và Công ty không đưa cho ông C hóa đơn ngay. Đến ngày 02/7/2015 và ngày 27/7/2015 ông C đến Công ty và yêu cầu Công ty xuất hóa đơn thì Công ty đưa cho ông C 100 Phiếu đặt hàng của sản phẩm đó. Tất cả các Phiếu đặt hàng chỉ có người lập phiếu là chị Lê Thị L là kế toán và cũng là người thu tiền của Công ty ký.

Sau khi mua 100 gói sản phẩm ông C có lấy 05 gói hàng cao hồng sâm nên Công ty đã thu lại của ông C 05 phiếu đặt hàng còn lại 95 gói hàng tương đương với số tiền 646.000.000 đồng.

Ông C có nhận được tiền hoa hồng của Công ty trả làm nhiều đợt, cụ thể là bao nhiêu ông không nhớ chính xác

Kể từ khi nộp tiền mua gói hàng trên, ông C chưa được nhận bất cứ tri ân nào liên quan đến 100 gói hàng đó. Ông C đã nhiều lần gặp và gọi điện cho ông C và yêu cầu Công ty trả nốt số hàng còn lại nhưng ông C khất lần, hứa sẽ trả, càng để về sau càng có lãi, ông C cũng nói Công ty đang đầu tư vào bất động sản sau này Công ty bán được Công ty sẽ trả nhưng cho đến nay không gặp được và gọi điện không trả lời.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần L phải trả ông tổng số tiền 646.000.000 đồng tương đương với 95 gói hàng ông C đã nộp tiền mua nhưng chưa được Công ty trả hàng. Ông không yêu cầu triệu tập chị Lê Thị L là kế toán công ty và cũng là người thu tiền vì ông không biết địa chỉ chị Loan cụ thể ở đâu và ông chỉ ký hợp đồng với Công ty do ông Nguyễn Văn C1 làm tổng giám đốc.

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải... nhưng đại diện của Công ty cổ phần L không đến Tòa án làm việc và cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần L, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty cổ phần L không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty cổ phần L không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

+ Ngày 24/8/2021, Tòa án mở phiên tòa nhưng do bị đơn vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. Ông Cung Đức C, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông C là ông Hoàng Quang Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cung Đức C buộc Công ty cổ phần L phải trả cho ông C số tiền 648.000.000 đồng. Về án phí: Công ty cổ phần L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 06/4/2014 ông C có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 061154/HĐ-LMTD, thời gian là 01 năm và có hiệu lực pháp lý kể từ thời điểm hai bên ký kết. Căn cứ hợp đồng trên, ông C có nợ tiền mua hàng của Công ty cổ phần L nhưng đến nay chưa được giao đủ số hàng đã mua. Ông C đã đòi nhiều lần nhưng Công ty chưa trả. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên ông C khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa ông C với Công ty cổ phần L là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng)*”. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang thụ lý giải quyết yêu cầu của chị Thúy là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.[

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc Công ty cổ phần L phải trả số tiền 646.000.000 đồng (giá trị 95 gói hàng đã mua):

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do ông Cung Đức C cung cấp, có căn cứ xác định: Ông Cung Đức C có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 061154/HĐ-LMTD ngày 06/4/2014 với Công ty cổ phần Liên minh tiêu dùng Việt Nam, trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp ông C đã nộp tiền vào

Công ty để mua 100 gói hàng chủ yếu là cao hồng sâm mỗi gói hàng có giá trị là 6.800.000 đồng với tổng số tiền là 680.000.000 đồng. Trong tổng số 100 gói hàng, ông C đã lấy 5 gói hàng nên Công ty đã thu lại 05 hóa đơn kiêm ông Cung Đức C gói hàng đã mua.

[3.2] Ngày 03/10/2016, cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần Liên minh tiêu dùng Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty cổ phần L đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

[3.3]. Ông C Đức Chung yêu cầu Công ty cổ phần L phải trả số 646.000.000 đồng tương đương giá trị của 95 gói hàng đã nộp tiền mua nhưng chưa được Công ty trả hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu trên của ông Cung Đức C.

[4] Về án phí: Yêu cầu của ông C được chấp nhận nên Công ty cổ phần L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Buộc Công ty cổ phần L phải trả ông Cung Đức C số tiền 646.000.000 đồng.
2. Về án phí: Công ty cổ phần L phải chịu 29.840.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP Bắc Giang,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Đinh Thị Thu Hà**